

Sáng Mộc, ngày 18 tháng 8 năm 2021

**BIÊN BẢN  
NIÊM YẾT CÔNG KHAI QUYẾT ĐỊNH CÔNG KHAI QUYẾT TOÁN  
NGÂN SÁCH NĂM 2020 XÃ SÁNG MỘC**

Hôm nay, vào hồi 8 giờ 00 ngày 18/8/2021 tại Trụ sở UBND xã Sáng Mộc, chúng tôi gồm:

- 1- Ông: Nông Quý Dương - Bí thư Đảng ủy - Chủ tịch HĐND
- 2- Ông: Triệu Trung Tiên - CT UBND
- 3- Ông: Nguyễn Văn Nam - Văn phòng UBND
- 4- Bà: Nguyễn Thị Cẩm Vân - Kế toán tài chính xã

Có sự chứng kiến của toàn bộ cán bộ công chức UBND xã Sáng Mộc.

Lập biên bản về việc niêm yết công khai Quyết toán ngân sách năm 2020 xã Sáng Mộc đã được HĐND phê chuẩn.

Thời gian niêm yết từ ngày : 18/8/2021 đến hết ngày 19/9/2021 .

Biên bản được lập thành 01 bản lưu tại văn phòng UBND xã.

**CHỦ TỊCH**



**Triệu Trung Tiên**

**NGƯỜI CÓ TRÁCH NHIỆM  
NIÊM YẾT**

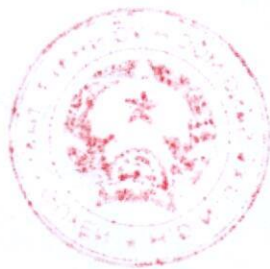
**Nguyễn Văn Nam**

**ĐẠI DIỆN HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN**



**CHỦ TỊCH**

**Nông Quý Dương**



Số: 78/QĐ-UBND

Sảng Mộc, ngày 18 tháng 8 năm 2021

**QUYẾT ĐỊNH**  
**Về việc công khai quyết toán thu - chi ngân sách đã được Hội đồng nhân dân phê chuẩn năm 2020 xã Sảng Mộc**

**CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ SẢNG MỘC**

*Căn cứ Luật chính quyền địa phương năm 2015;*

*Căn cứ Luật ngân sách nhà nước năm 2015;*

*Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;*

*Căn cứ Thông tư số 343/2016/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với các cấp ngân sách;*

*Căn cứ Nghị quyết số: 15/NQ-HĐND ngày 10/8/2021 của Hội đồng nhân dân xã Sảng Mộc về việc phê chuẩn quyết toán ngân sách nhà nước xã Sảng Mộc năm 2020;*

Xét đề nghị của Văn phòng HĐND -UBND xã Sảng Mộc,

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Công khai số liệu quyết toán ngân sách năm 2020 xã Sảng Mộc đã được Hội đồng nhân dân quyết định

*(Có các biểu chi tiết kèm theo)*

**Điều 2.** Giao cho Văn phòng UBND và Bộ phận tài chính xã thực hiện công khai quyết toán thu, chi ngân sách năm 2020 theo đúng quy định của Luật ngân sách Nhà nước.

**Điều 3.** Các ông (bà) Văn phòng HĐND-UBND, kế toán ngân sách, trưởng các ban ngành đoàn thể và các đơn vị chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

**Nơi nhận:**

- Như điều 3 (để t/h);
- Đảng uỷ- HĐND (để b/c);
- KBNN Võ Nhài ( để b/c) ;
- Phòng TC-KH huyện (để b/c) ;
- Lưu: VP.



**Triệu Trung Tiên**



**BÁO CÁO  
CÔNG KHAI SỐ LIỆU VÀ THUYẾT MINH TÌNH HÌNH THỰC  
HIỆN QUYẾT TOÁN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2020**

**I. ĐẶC ĐIỂM CHUNG**

**1. ĐẶC ĐIỂM TỰ NHIÊN:**

Xã Sảng Mộc là một xã miền núi, thuộc diện vùng sâu, vùng xa của huyện Võ Nhai.

\* Xã cách xa trung tâm huyện 50Km

- Phía đông: Giáp Nghinh Tường – Vũ Chấn

- Phía tây: Giáp xã Thần sa – Xã Đình Văn, huyện Chợ Mới

- Phía nam: Giáp xã Thượng Nung

- Phía bắc: Giáp xã Liêm Thủy - Xã Yên Cư, huyện Chợ Mới

- Có Tổng diện tích là: 9.650,19 ha

Trong đó: + Diện tích canh tác: 115, ha

+ Diện tích đất 5%: .....

Dân số đến ngày 31/12/2020: 3.064 nhân khẩu; Tăng , giảm trong năm:

.....

Tỷ lệ hộ nghèo 343 hộ = 54,79% ; hộ cận nghèo: 96 hộ = 15,33%

Ngành nghề: chủ yếu là sản xuất nông nghiệp, vườn, rừng và dịch vụ manh mún nhỏ lẻ.

**2. MỤC TIÊU NHIỆM VỤ KINH TẾ TÀI CHÍNH NĂM 2018**

Căn cứ Quyết định số 3068/ QĐ-UBND ngày 25/12/2018 của UBND huyện Võ Nhai V/v giao kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2019 huyện Võ Nhai;

Ban tài chính xã đã tham mưu cho UBND xã lập chấp hành dự toán thu - chi ngân sách năm 2019 cho UBND với sự giám sát thực hiện của HĐND xã Sảng Mộc và kết quả đạt được như sau:

**1. Thu ngân sách xã:**

Đơn vị tính: đồng

a. Thu ngân sách xã	Năm 2019	Năm 2020		So sánh %	
	Quyết toán	Dự toán	Quyết toán	Năm trước	Thực hiện
<b>Tổng thu</b>	<b>11.228.531.940</b>	<b>15.009.982.495</b>	<b>14.995.179.129</b>	133,54	99,90

**2. Chi ngân sách xã:**

Đơn vị tính: đồng

b. Chi ngân sách xã	Năm 2019	Năm 2020		So sánh %	
	Quyết toán	Dự toán	Quyết toán	Năm trước	Thực hiện
<b>Tổng chi</b>	<b>10.948.669.922</b>	<b>15.358.108.646</b>	<b>14.587.142.356</b>	133,23	94,98

**C. Nguyên nhân tăng, giảm thu - chi.**

- Thu ngân sách: Năm 2020 hoàn thành thu ngân sách trên địa bàn. Thu ngân sách xã (Thu điều tiết ngân sách xã hưởng đạt 99,9% so kế hoạch)

- Chi ngân sách: Năm 2020 đạt 94,98%.

Trong đó: Chi thường xuyên đạt 94,98% so với kế hoạch; Chi đầu tư XDCB đạt 92,9% so với dự toán năm .

### 3. Tình hình công nợ:

Đơn vị tính: đồng

Chi tiêu	Số dư đầu kỳ	Số phát sinh trong kỳ		Số dư cuối kỳ
		Tăng	Giảm	
A	1	2	3	4
<b>I. Các khoản phải thu</b>				<b>0</b>
- Đóng góp XD HTNT	0			0
<b>II. Các khoản phải trả</b>				
- Giáo dục công đồng		25.000.000	25.000.000	0
<b>III. Các khoản thu hộ,</b>				
<b>Chi hộ</b>	<b>0</b>	<b>762.144.800</b>	<b>762.144.800</b>	
- Hỗ trợ PT sản xuất		298.000.000	298.000.000	0
- Hỗ trợ tiền điện		142.197.000	142.197.000	0
- Hỗ trợ lãi vay chăn nuôi	13.057.287	3.311.761	16.369.048	0
<b>IV. Dự phòng</b>		<b>85.000000</b>		<b>85.000.000</b>

### 4. tình hình tăng, giảm tài sản cố định:

Đơn vị tính: đồng

S T T	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Số đầu năm		Tăng trong năm		Giảm trong năm		Số cuối năm	
			SL	NG	SL	NG	SL	NG	SL	NG
			1							
2										
3										
4										

### 5. Phân tích nguyên nhân, kiến nghị, đề xuất.

5.1 Chuyển nguồn ngân sách năm 2020 sang năm 2021: **695.541.000đ**

Đơn vị tính: đồng

- Nguồn cải cách tiền lương	2.020.000
- Xây dựng Công ngầm đường GT Khuổi Chao	143.800.000
- Đường giao thông Nà Lay – Khuổi Chạo	121.800.000
- Cầu tràn xóm Bản Chấu	70.300.000
- Cầu tràn Khuổi Sà xóm Phú Cốc	1.000.000
- Cầu tràn Pắc Thèo xóm Khuổi Chạo	61.066.000
- Nước sạch tập trung Tân Lập – Khuổi Chạo	281.555.000

5.2 Nguồn dự phòng 2020: **85.000.000đ (Kết dư ngân sách)**

5.3 Nguồn kết dư ngân sách: **385.024.290 đ**

- Sự nghiệp kinh tế: 12.998.074 đ

- Nguồn tiết kiệm chi: 24.530.000 đ

- Đảm bảo xã hội: 8.000 đ

- Các chương còn lại: 347.488.216 đ

\* Khách quan:

+ Nhân dân trong xã đã vận dụng triệt để thế mạnh của địa phương, phát triển các ngành, nghề trên địa bàn xã, chăm sóc vườn rừng. Trồng thâm canh những giống cây có lợi ích kinh tế như cây cam, cây quế, cây Keo và kết hợp với chăn nuôi Trâu, Bò, dê. Dân ổn định đời sống, tăng thu nhập cho hộ gia đình.

\* Chủ Quan: Các cấp các ngành tuyên truyền vận động nhân dân học tập kỹ thuật về trồng cây, chăn nuôi tiếp cận các mô hình đầu tư dự án phát triển kinh tế vận dụng tiềm năng sẵn có của địa phương, từng bước cải thiện đời sống, văn hóa cho nhân dân, tích cực đóng góp các khoản thu trên địa bàn.

+ Về nguồn kinh phí Trung tâm học tập cộng đồng chỉ đạt 100%

\* Kiến nghị đề xuất:

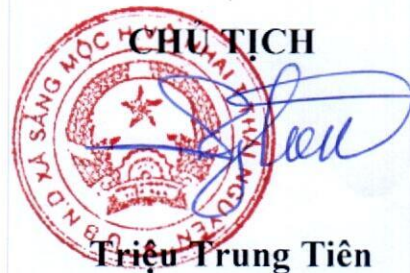
+ Hồ sơ xây dựng cần khắc phục tình trạng lập hồ sơ phải đúng theo yêu cầu, mục tiêu đề ra, số liệu phải đúng, đủ từ khi lập hồ sơ ban đầu cho đến khi lập hồ sơ quyết toán.

+ Để hoàn thành nhiệm vụ mục tiêu kinh tế - xã hội năm 2020 và những năm tiếp theo, cần sự thống nhất cao giữa các cấp Ủy Đảng, HĐND – UBND xã và các đoàn thể, ban ngành và nhân dân trong toàn xã cần triệt để hơn nữa thực hiện tiết kiệm chi tiêu, chống lãng phí, cải thiện đời sống vật chất, văn hóa cho nhân dân. Nâng cao về nhận thức chủ trương đường lối, chính sách của Đảng và pháp luật của Nhà nước. Tận dụng các nguồn thu ngân sách trên địa bàn, sử dụng tiết kiệm có hiệu quả cao các nguồn chi ngân sách, hoàn thành nhiệm vụ thu, chi ngân sách năm 2021.

Trên đây là báo cáo tình hình công khai số liệu thực hiện quyết toán ngân sách Nhà nước năm 2020 của UBND xã Sảng Mộc./.

**Nơi nhận :**

- Phòng TC-KH huyện;
- Đảng Ủy-HĐND xã ;
- Lưu: VP, KT.

**CHỦ TỊCH**  
  
**Triệu Trung Tiên**

## CÂN ĐỐI QUYẾT TOÁN NGÂN SÁCH XÃ NĂM 2020

(Quyết toán đã được Hội đồng nhân dân phê chuẩn)



Đơn vị: đồng

NỘI DUNG THU	QUYẾT TOÁN	NỘI DUNG CHI	QUYẾT TOÁN
<b>Tổng số thu</b>	<b>14.919.279.129</b>	<b>Tổng số chi</b>	<b>14.587.142.356</b>
I. Các khoản thu xã hưởng 100 %	18.259.000	I. Chi đầu tư phát triển	7.439.638.000
II. Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ	26.936.634	II. Chi thường xuyên	6.282.364.356
III. Thu bổ sung	14.553.665.340	III. Chi chuyển nguồn của ngân sách xã sang năm sau (nếu có)	695.541.000
- Bổ sung cân đối	4.005.000.000	IV. Chi nộp trả ngân sách cấp trên	169.599.000
- Bổ sung có mục tiêu	10.548.665.340		
IV. Thu kết dư ngân sách năm trước	279.862.018		
V. Thu viện trợ			
VI. Thu chuyển nguồn từ năm trước sang của ngân sách xã (nếu có)	40.556.137		
<b>Kết dư ngân sách</b>	<b>332.136.773</b>		

Chi chú: (1) Bao gồm 4 khoản thu từ thuế, lệ phí NSNN quy định cho ngân sách xã hưởng và những khoản thu ngân sách địa phương được hưởng có phân chia theo tỷ lệ phần trăm (%) cho xã.



**QUYẾT TOÁN THU NGÂN SÁCH XÃ NĂM 2020**

Quyết toán đã được Hội đồng nhân dân phê chuẩn)



Đơn vị: đồng

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN				SO SÁNH (%)	
		THU NSNN	THU NSX	THU NSNN	THU NSX	SO SÁNH (%)	THU NSX
A						5 = 3/1	6 = 4/2
	<b>Tổng số thu</b>	<b>15.009.083.495</b>	<b>14.995.083.495</b>	<b>14.956.735.751</b>	<b>14.919.279.129</b>	<b>153,75</b>	<b>154,73</b>
<b>I</b>	<b>Các khoản thu 100%</b>	<b>29.000.000</b>	<b>64.000.000</b>	<b>33.379.000</b>	<b>18.259.000</b>	<b>28,53</b>	<b>28,53</b>
1	Phí, lệ phí	23.000.000	23.000.000	29.379.000	14.259.000	127,73	62,00
2	Thu từ quỹ đất công ích và thu hoa lợi công sản khác						
3	Thu từ hoạt động kinh tế và sự nghiệp						
4	Thu phạt, tịch thu khác theo quy định						
5	Thu từ tài sản được xác lập quyền sở hữu của nhà nước theo quy định						
6	Đóng góp của nhân dân theo quy định						
7	Đóng góp tự nguyện của các tổ chức, cá nhân						
8	Thu khác	6.000.000	6.000.000	4.000.000	4.000.000	66,67	66,67
<b>II</b>	<b>Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ phần trăm (%)</b>	<b>106.000.000</b>	<b>57.000.000</b>	<b>49.273.256</b>	<b>26.936.634</b>	<b>46,48</b>	<b>0,473</b>
1	Các khoản thu phân chia						
11	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp						
12	Thuế sử dụng đất nông nghiệp thu từ hộ gia đình	6.000.000	6.000.000	4.600.000	4.600.000	76,67	0,767
13	Lệ phí môn bài thu từ cá nhân, hộ kinh doanh						
14	Lệ phí trước bạ nhà, đất	10.000.000	2.000.000	20.075.836	10.037.918	200,76	5,019
2	Các khoản thu phân chia khác do cấp tỉnh quy định						
21	Thu tiền sử dụng đất	40.000.000	32.000.000				
22	Thu tiền thuế mặt đất, mặt nước						
23	Thuế tài nguyên						
24	Thuế giá trị gia tăng	35.000.000	17.000.000	24.597.420	12.298.716	70,28	72,35
25	Thuế thu nhập doanh nghiệp						
26	Thuế thu nhập cá nhân	15.000.000					
27	Thuế tiêu thụ đặc biệt						
III	Thu viện trợ không hoàn lại trực tiếp cho xã (nếu có)						
IV	Thu chuyển nguồn	40.556.137	40.556.137	40.556.137	40.556.137	100	100
V	Thu kết dư ngân sách năm trước	279.862.018	279.862.018	279.862.018	279.862.018	100	100
VI	Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên	14.553.665.340	14.553.665.340	14.553.665.340	14.553.665.340	153,88	153,88
1	Thu bổ sung cân đối	4.005.000.000	4.005.000.000	4.005.000.000	4.005.000.000	100	100
2	Thu bổ sung có mục tiêu	10.548.665.340	10.548.665.340	10.548.665.340	10.548.665.340	100	100

Tỉnh: Thái Nguyên  
 Huyện: Võ Nhai  
 Xã: Sảng Mộc

Biểu số 118/CKTC-NSNN

**TỔNG HỢP QUYẾT TOÁN CHI NGÂN SÁCH XÃ NĂM 2020**  
 (Quyết toán đã được Hội đồng nhân dân phê chuẩn)



Đơn vị tính: đồng

Nội dung	Dự toán			Quyết toán			(% So sánh QT/DT		
	Tổng số	ĐTPT	TX	Tổng số	ĐTPT	TX	Tổng số	ĐTPT	TX
1	2	3	4	5	6	7	8=5/2	9=6/3	10=7/4
<b>Tổng chi</b>	<b>15.458.108.646</b>	<b>8.008.159.000</b>	<b>7.449.949.646</b>	<b>14.587.142.356</b>	<b>7.439.638.000</b>	<b>7.147.504.356</b>	<b>94,37</b>	<b>92,90</b>	<b>95,94</b>
1. Chi công tác dân quân tự vệ, trật tự an toàn xã hội	805.543.200	0	805.543.200	711.944.959	0	711.944.959	88,38		88,38
- Chi dân quân tự vệ	489.443.200		489.443.200	513.030.200		437.388.599	104,82		89,36
- Chi trật tự an toàn xã hội	316.100.000		316.100.000	301.870.100		274.556.360	95,50		86,86
2. Chi giáo dục	80.000.000		80.000.000	80.000.000		80.000.000	0,00		0,00
3. Chi ứng dụng, chuyển giao công nghệ	0			0					
4. Chi y tế	0			0					
5. Chi văn hóa, thông tin	120.000.000		120.000.000	118.260.000		118.260.000	98,55		98,55
6. Chi phát thanh, truyền thanh	0			0					
7. Chi thể dục, thể thao	14.000.000		14.000.000	12.540.000		12.540.000	89,57		89,57
8. Chi bảo vệ môi trường	0			0					
9. Chi các hoạt động kinh tế	349.369.048	0	349.369.048	333.059.213	0	333.059.213	95,33	0,00	95,33
Giao thông	0	0	0	0	0	0	0,00	0,00	0,00
Nông - lâm - thủy lợi - hải sản	12.000.000		12.000.000	12.000.000		12.000.000	100,00	0,00	100,00
Các hoạt động kinh tế khác	337.369.048	0	337.369.048	321.059.213	0	321.059.213	95,17	0,00	95,17
SN kinh tế									
10. Chi quản lý Nhà nước, Đảng, đoàn thể	14.089.196.398		6.081.037.398	13.331.338.184	7.439.638.000	5.891.700.184	94,62		96,89
Trong đó: Quỹ lương	0			0					
10.1 Quản lý Nhà nước	11.671.046.398	8.008.159.000	3.662.887.398	10.876.481.992	7.439.638.000	3.436.843.992	93,19		93,83
10.2 Đảng Cộng sản Việt Nam	736.625.000		736.625.000	731.440.181		731.440.181	99,30		99,30
10.3 Mặt trận Tổ quốc Việt Nam	230.291.000		230.291.000	230.291.000		230.291.000	100,00		100,00
10.4 Đoàn Thanh niên Cộng sản HCM	131.424.000		131.424.000	123.750.485		123.750.485	94,16		94,16
10.5 Hội Liên hiệp Phụ nữ	134.028.000		134.028.000	127.496.252		127.496.252	95,13		95,13
10.6 Hội Cựu chiến binh	132.419.000		132.419.000	128.983.952		128.983.952	97,41		97,41
10.7 Hội Nông dân	164.451.000		164.451.000	155.753.602		155.753.602	94,71		94,71
10.8 Chi hỗ trợ khác (nếu có)	74.371.000		74.371.000	58.008.720	0	58.008.720	78,00		78,00
10.9 Hội chữ thập đỏ	25.000.000		25.000.000	20.000.000		20.000.000	80,00		80,00
10.10 Hội người cao tuổi	25.000.000		25.000.000	21.000.000		21.000.000	84,00		84,00
10.11 Hội khuyến học	24.371.000		24.371.000	17.008.720		17.008.720	69,79		69,79
11. Chi cho công tác xã hội	34.000.000		34.000.000	33.992.000	0	33.992.000	99,98		99,98

- Trợ cấp hàng tháng cho cán bộ xã nghỉ việc theo chế độ quy định và trợ cấp khác	34.000.000	34.000.000	33.992.000	33.992.000	0,00	0,00
- Trẻ mồ côi, người già không nơi nương tựa	0	0	0			
- Trợ cấp xã hội	0	0	0			
- Khác	0	0	0	0	0,00	0,00
12. Chi khác	0	0	0			
13. Dự phòng	85.000.000	85.000.000				
14. Chi chuyển nguồn sang ngân sách năm sau	695.541.000	695.541.000	695.541.000	695.541.000	0,00	0,00
15. Chi chuyển giao ngân sách	0		169.599.000	169.599.000	0,00	0,00
16. Chi đầu tư phát triển				0		